| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẾN TRE**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: **61**/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày: 19/6/2025<br>V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” | |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Huỳnh Thị Phê

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trịnh Ngọc Hồng

Ông Trần Văn Hưng

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Diễm Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà***:** Bà Trần Thị Ấm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn****:* Ông Ngô Tấn T, sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Số A ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

***Bị đơn***: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Số A ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Tấn T trình bày*:

Vào năm 2008 ông và bà Nguyễn Thị Mỹ L kết hôn tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/5/2008. Trong thời gian sống chung ông và bà L

có 01 con chung tên Ngô Minh T1, sinh ngày 25/01/2013 hiện con chung đang sống chung với ông và bà L. Ông và bà L không có tạo lập được tài chung, về nợ chung thì không có.

Nguyên nhân ly hôn: là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành; từ năm 2023 cho đến nay ông và bà L không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nhận thấy ông, bà có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L. Ông không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Tên Ngô Minh T1, sinh ngày 25/01/2013, có nguyện vọng của con chung sống với bà L thì ông đồng ý giao con chung cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có nên ông  không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên ông không yêu cầu giải quyết.

Bà L trình bày vợ chồng có mua Bảo hiểm nhân thọ cho con thời hạn 15 năm, vợ chồng đã đóng được 06 năm và hợp đồng đang thực hiện nên đây là không phải là nợ chung; ông đồng ý sau khi ông và bà L ly hôn ông sẽ tiếp tục cùng bà L thực hiện hợp đồng. Tại phiên tòa ông không tranh chấp với bà L số tiền đã đóng bảo hiểm xong, nếu có phát sinh tranh chấp hợp đồng với Công ty B  thì sẽ yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án khác.

***Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:***

Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T có nhắn tin quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt với bà; bà nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Bà biết ông T xin ly hôn với bà Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre có tạo điều kiện hòa giải cho ông bà hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên vào ngày 24/4/2025 bà và ông T thỏa thuận thuận tình ly hôn, tuy nhiên sau đó bà thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn.

Lý do bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T: Bà không có lỗi với ông T; ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác là người vi phạm luật hôn nhân gia đình, là người có lỗi trong hôn nhân; mặt khác bà thương con chung bà muốn con có gia đình đủ cha đủ mẹ. Qua yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Do bà còn thương ông T và thương con chung nên bà không đồng ý ly hôn. Do bà không đồng ý ly hôn nên bà không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa bà L không có yêu cầu chia tài sản chung là số tiền đóng bảo hiểm nhân thọ cho con; hợp đồng bảo hiểm đang được thực hiện bà đồng ý nếu có phát sinh tranh chấp với công ty B thì các bên có quyền yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56, 58; 81; 82; 83; 84 Luật HN&GĐ 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định liên quan đến án phí, lệ phí, đề nghị: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ngô Tấn T.

- Về hôn nhân: Ông T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

- Về con chung: giao con chung là Ngô Minh T1, sinh ngày 25/01/2013 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà L khai không có nên không xem xét giải quyết.

Trường hợp, hợp đồng bảo hiểm đang được thực hiện thì không xem xét giải quyết do không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, khi xảy ra tranh chấp các bên có quyền yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Tuyên án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L hiện có đăng ký thường trú và sinh sống tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Ông Ngô Tấn T và bà Nguyễn Thị Mỹ L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/5/2008. Vì vậy quan hệ hôn nhân của ông Ngô Tấn T và bà Nguyễn Thị Mỹ L được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân ông T xin ly hôn với Mỹ L là do ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin ông và bà L có nhiều mâu thuẫn của ông, bà được gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy: Ông T, bà L thừa nhận tình cảm giữa ông và bà L có nhiều mâu thuẫn; từ năm 2023 cho đến nay ông T, bà L không quan tâm chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa bà L thừa nhận trong thời gian sống chung bà biết rõ ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà vẫn nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm với ông T để bà và ông T cùng chăm lo cho con, tuy nhiên từ ngày phát sinh mâu thuẫn cho đến tại phiên tòa bà L cũng không có biện pháp nào để khắc phục và hàn gắn tình cảm với ông T. Mặt khác Tòa án đã tạo điều kiện để ông T, bà L hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành hai bên thuận tình ly hôn (căn cứ biên bản thuận tình ly hôn ngày 24.4.2025) nhưng sau đó bà L thay đổi ý kiến nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa ông T, bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ngô Tấn T là phù hợp. Do ông T, bà L không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về con chung: Ông Ngô Tấn T và bà Nguyễn Thị Mỹ L có 01 con chung tên Ngô Minh T1, sinh ngày 25/01/2013. Xét thấy: Từ khi ông T, bà L phát sinh mâu thuẫn và không còn quan tâm chăm sóc cho nhau thì con chung vẫn sống chung nhà với ông T, bà L con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, con chung có nguyện vọng sống chung với bà L; do đó để không làm thay đổi môi trường sống và sinh hoạt hằng ngày cần giao con chung cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Ông Ngô Tấn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đồng/tháng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với hợp đồng bảo hiểm đang được thực hiện ông T, bà L không tranh chấp nên không xem xét giải quyết; trường hợp có phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ông Ngô Tấn T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7 ] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Ngô Tấn T. Ông Ngô Tấn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Do ông Ngô Tấn T và bà Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ L được trực tiếp nuôi Ngô Minh T1, sinh ngày 25/01/2013.

Ông Ngô Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đồng/ /tháng cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3.Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Đối với hợp đồng bảo hiểm đang được thực hiện ông Ngô Tấn T, bà Nguyễn Thị Mỹ L không tranh chấp nên không xem xét giải quyết; trường hợp có phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Ngô Tấn T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007973 ngày 11/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và đã nộp xong.

Về án phí cấp dưỡng: Ông Ngô Tấn T phải nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

**4**. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành

***Nơi nhận***:
- *TA tỉnh Bến Tre*
- *VKSND huyện thành phố Bến Tre;*
- *Chi cục THADS thành phố Bến Tre;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Mỹ Thạnh An;*
- *Lưu HSVA+VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Huỳnh Thị Phê**